

Số: 280/BC-UBND

Sơn Thủy, ngày 15 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực hiện trên môi trường điện tử xã Sơn Thủy năm 2024( từ ngày 15/12/2023-14/12/2024)**

Thực hiện Quyết định số 737/Q Đ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định tiêu chí đánh giá, xét công nhận Bộ phận Một cửa kiểu mẫu cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Công văn số 3438/UBND-VP ngày 20/11/2024 của UBND huyện Sơn Hà về việc triển khai thực hiện Quyết định số 737/Q Đ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND tỉnh về việc Quy định tiêu chí đánh giá, xét công nhận Bộ phận Một cửa kiểu mẫu cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

UBND xã Sơn Thủy báo cáo kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực hiện trên môi trường điện tử như sau:

TT	Chỉ số	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Ghi chú
<b>I. Công khai, minh bạch</b>		18	18	Niêm yết, công khai đầy đủ các quyết định ban hành các TTHC mới của cấp trên
01	Tỷ lệ TTHC công bố đúng thời hạn	6	6	
02	Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn	4	4	
03	Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận tạo thành của TTHC	2	2	
04	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	6	6	
<b>II. Tiến độ, kết quả giải quyết</b>		20	20	

05	Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn		20	Tổng số hồ sơ đã xử lý và đang xử lý, đúng hạn và trong hạn trong kỳ/Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong kỳ*100%: $958/963*100=99,48\%$
<b>III.Cung cấp dịch vụ trực tuyến</b>		22	22	
06	a) Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2	2	Tổng số TTHC đã tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến/Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết $xã:16/16*100=100\%$ -Tỷ lệ TTHC chưa cung cấp trực tuyến: $0*100\%(0\%)$
07	b) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	4	4	Tổng số dịch vụ công trực tuyến có hồ sơ tiếp nhận trực tuyến có ngày tiếp nhận trong kỳ/Tổng số dịch vụ công trực tuyến đã tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến: $16/16*100(100\%)$
08	c) Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp	6	6	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trực tuyến có ngày tiếp nhận trong kỳ/Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: $941/986*100(95,43\%)$
Thanh toán trực tuyến				
09	d) Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến	2	2	-Tổng số TTHC có giao dịch thanh toán thành công trên hệ thống thanh toán trực tuyến: $767/877*100(87,4\%)$ - Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có thông tin phí, lệ phí*100% $767/877*100(87,4\%)$
10	đ) Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên cổng Dịch vụ công quốc gia	2	2	-Tổng số TTHC có hồ sơ có đồng bộ dữ liệu phí, lệ phí trên cổng/Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết có thông tin lệ phí*100: $877/878*100(99,8\%)$
11	e) Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	6	6	-Tổng số hồ sơ thanh toán phí, lệ phí trực tuyến/Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải



				quyết có thông tin phí, lệ phí trong CSDLQG về TTHC*100: 767/878(87,36%)
<b>IV.Số hóa hồ sơ</b>		22	16	
12	a) Tỷ lệ hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử	6	6	Tổng số hồ sơ TTHC có cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử/ Tổng số hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bằng văn bản, giấy tờ*100%: 941/986(95,43%)
13	b) Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện số hóa hồ sơ(chưa triển khai)	4	4	-Tổng số hồ sơ TTHC thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC/Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết*100: 908/962(94,39%)
14	c) Tỷ lệ khai thác sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	2	0	-Tổng số hồ sơ TTHC có sử dụng lại thông tin, dữ liệu, giấy tờ điện tử đã được số hóa/ Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết*100%:30/741*100(4,04%)
15	d) Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	2	0	Tổng số xã và Phòng tư pháp cấp huyện cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính/Tổng số xã và Phòng Tư pháp cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý*0/0 Số hồ sơ chứng thực bản sao điện tử: 1
16	đ) Tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ tái sử dụng: tỷ lệ hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên cổng Dịch vụ công quốc gia	4	1	Số hồ sơ TTHC được số hóa có kết nối, đồng bộ với danh mục hồ sơ cá nhân, tổ chức trên cổng dịch vụ công Quốc gia/Tổng số hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết*100: 30/741*100(4,04%)
17	e) Ứng dụng dữ liệu dân cư trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch	2	2	Số TTHC có kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC/Tổng số TTHC có đối

	vụ công: Tỷ lệ TTHC triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ giải quyết TTHC			tượng thực hiện là người dân*100: 741/962*100(77,02%)
18	Tỷ lệ hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin, dữ liệu dân cư	2	2	Số hồ sơ TTHC có sử dụng thông tin dữ liệu dân cư được kết nối, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư/Tổng số hồ sơ TTHC của người dân*100%: 908/992*100(90,07%)
<b>V.Mức độ hài lòng</b>		18	18	<b>Địa phương không có phản ánh, kiến nghị</b>
19	Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn	6	6	Tổng số phản ánh, kiến nghị xử lý đúng, trước hạn/Tổng số PAKN thuộc thẩm quyền tiếp nhận xử lý *100:0(100%)
20	Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị	6	6	(Tổng số PAKN-số bị phản hồi trạng thái không hài lòng hoặc tiếp tục có phản ánh về kết quả giải quyết hoặc xử lý quá hạn)/Tổng số PAKN*100%: 0 có(100%)
21	Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC	6	6	
<b>Tổng điểm tối đa</b>		<b>100</b>	<b>95</b>	<b>Tổng số điểm phân loại 95/100 điểm, UBND xã Sơn Thủy xếp loại tốt.</b>

Trên đây là báo cáo của UBND xã Sơn Thủy về kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực hiện trên môi trường điện tử./.

**Nơi nhận:**

- VP HĐND-UBND huyện;
- Phòng Nội vụ huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã
- CT, PCT UBND xã;
- Các ban ngành chuyên môn xã;
- Công chức KSTTHC xã;
- Lưu VT./.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Văn Phiên**